

UBND XÃ HUNG NGUYỄN
HỘI ĐỒNG GPMB DỰ ÁN
ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC
VINH - THANH THỦY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 281/TB-HĐ.GPMB

Hung Nguyên, ngày 8 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Phương án bồi thường hỗ trợ GPMB dự án:
Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Hưng Nguyên
thuộc dự án: Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy,
tại xóm Hạ Khê, Đại Huệ (Đợt 2)

Thực hiện công tác GPMB dự án: Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Hưng Nguyên thuộc dự án: Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy tại xóm Hạ Khê, Đại Huệ. Hội đồng GPMB phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

Thực hiện quy trình GPMB khi nhà nước thu hồi đất, Hội đồng GPMB tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ để các hộ gia đình có liên quan đối chiếu kiểm tra.

(Có phương án chi tiết kèm theo).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 09/05/2026 đến hết ngày 19/05/2026

Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND xã Hưng Nguyên; Nhà văn hóa xóm Hạ Khê; xóm Đại Huệ và trang thông tin điện tử xã Hưng Nguyên.

Trong thời gian niêm yết đề nghị các hộ gia đình, cá nhân kiểm tra, đối chiếu nếu thấy có sai sót thì phản ánh kịp thời về hội đồng GPMB để xem xét giải quyết.

Sau khi kết thúc niêm yết, Hội đồng GPMB hoàn thiện hồ sơ trình phòng Kinh tế thẩm định, tham mưu UBND xã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đúng quy định.

Vậy, Hội đồng GPMB thông báo cho các hộ gia đình, cá nhân liên quan được biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND xã (b/c);
- TT CƯ DV công xã Hưng Nguyên;
- Xóm trưởng Hạ Khê; Đại Huệ;
- Lưu: VT, HĐ. GPMB.



PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Bùi Hồng Quân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN: DỰ ÁN THÀNH PHẦN 2: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐOẠN QUA XÃ HUNG NGUYỄN THUỘC DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC VINH - THANH THỦY (ĐỢT 2)

Kèm theo Biên bản niêm yết ngày tháng năm 2026 của Hội đồng GPMB dự án đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy

TT	Họ và tên chủ hộ	CCCD	Địa chỉ thường trú	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Diện tích trong QH	Diện tích còn lại	DT Thu hồi	Giá đất	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền Bồi thường, hỗ trợ	Trong đó				Hỗ trợ khác	Ghi chú
															Bồi thường đất	Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)-(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)=(11)*(12)	(17)	(18)=(11)*(12)*2	(19)=(13)*(14)*30/15.000		
1	Cao Văn Đức(Hiền)		Xóm Đại Huệ	LUC	41	1158	1806.8	327.7	1479.1	327.7	72.450	6	3	81.488.415	23.741.865	2.162.820	47.483.730	8.100.000		
2	Hoàng Nghĩa Hằng		Xóm Đại Huệ	LUC	41	1037	1988.5	0.3	1988.2	0.3	72.450	4	3	5.467.185	21.735	1.980	43.470	5.400.000		
3	Hoàng Nghĩa Oanh(Tuyết)	.040075016364	Xóm Đại Huệ	LUC	48	2664	1115.8	1114.7	1.1	1115.8	72.450	5	6	263.383.410	80.839.710	7.364.280	161.679.420	13.500.000		
4	Hoàng Nghĩa Thân(Tùng)	.040017009022	Xóm Đại Huệ	LUC	48	2745	735.3	59.6	675.7	59.6	72.450	6	1	16.047.420	4.318.020	393.360	8.636.040	2.700.000		Đợt 1 đã hỗ trợ 5 tháng
5	Hoàng Thị Hồng(Biên)	.040173018620	Xóm Đại Huệ	LUC	48	2739	999.3	481	518.3	481	72.450	5	4	116.719.950	34.848.450	3.174.600	69.696.900	9.000.000		
6	Hoàng Thị Tân	.040154005395	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1035	1334	357	977	357	72.450	12	3	96.150.150	25.864.650	2.356.200	51.729.300	16.200.000		
7	Hoàng Văn Hợp(Tuyết)	.040073020659	Xóm Đại Huệ	LUC	46	1000	1972	399	1573	399	72.450	4	3	94.756.050	28.907.550	2.633.400	57.815.100	5.400.000		
8	Lý Văn Hải(Chung)	.040064038504	Xóm Đại Huệ	LUC	48	2733	527.1	36.4	490.7	36.4	72.450	10	3	21.651.780	2.637.180	240.240	5.274.360	13.500.000		
9	Ngô Xuân Hân(Xân)	.040056009542	Xóm Đại Huệ	LUC	48	2732	1266	934.8	331.2	934.8	72.450	3	4	214.748.460	67.726.260	6.169.680	135.452.520	5.400.000		
10	Nguyễn Bá Minh(Thủy)	.040173011580	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1095	1420.8	887.1	533.7	887.1	72.450	5	5	209.916.045	64.270.395	5.854.860	128.540.790	11.250.000		
11	Nguyễn Đình Ai(Linh)	.040080027793	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1183	2356.8	1043.7	1313.1	1043.7	72.450	5	6	247.236.615	75.616.065	6.888.420	151.232.130	13.500.000		
12	Nguyễn Quang Văn(Loan)	.040066023199	Xóm Đại Huệ	LUC	48	2720	757.1	365.2	391.9	365.2	72.450	4	1	83.586.540	26.458.740	2.410.320	52.917.480	1.800.000		Đợt 1 đã hỗ trợ 5 tháng
13	Nguyễn Quốc Thái(Cánh)	.040059014747	Xóm Đại Huệ	LUC	46	1050	853.1	853.1	0	853.1	72.450	6	5	204.551.745	61.807.095	5.630.460	123.614.190	13.500.000		
14	Nguyễn Thị Châu(Thìn)	.040154006279	Xóm Đại Huệ	LUC	46	993	594.5	554.7	39.8	594.5	72.450			133.138.275	43.071.525	3.923.700	86.143.050	-		Đợt 1 đã hỗ trợ 6 tháng
15	Nguyễn Thị Khiển	.038148011461	Xóm Đại Huệ	LUC	48	2654	1017.9	976.8	41.1	1017.9	72.450			227.958.705	73.746.855	6.718.140	147.493.710	-		Đợt 1 đã hỗ trợ 6 tháng
16	Nguyễn Thị Lan	.040167030883	Xóm Đại Huệ	LUC	46	1070	1110.8	342.9	767.9	342.9	72.450	2	6	82.192.455	24.843.105	2.263.140	49.686.210	5.400.000		
17	Nguyễn Thị Liên(Thông)	.040165009731	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1046	1426.3	1376.1	50.2	1426.3	72.450	7	6	338.319.885	103.335.435	9.413.580	206.670.870	18.900.000		
18	Nguyễn Thị Long	.040132004755	Xóm Đại Huệ	LUC	46	1086	1171.5	120	1051.5	120	72.450	2	1	27.774.000	8.694.000	792.000	17.388.000	900.000		Đợt 1 đã hỗ trợ 5 tháng
19	Nguyễn Thị Nhâm	.04014801249	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1155	979.8	19.9	959.9	19.9	72.450	3	3	8.506.605	1.441.755	131.340	2.883.510	4.050.000		
20	Nguyễn Trung Đông(Quyên)	.040062017078	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1055	2786.2	836.3	1949.9	836.3	72.450	9	5	207.539.385	60.589.935	5.519.580	121.179.870	20.250.000		
21	Nguyễn Trung Tiến(Vinh)	.040052008245	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1139	4048.7	1550.8	2497.9	1550.8	72.450	7	6	366.201.660	112.355.460	10.235.280	224.710.920	18.900.000		
22	Nguyễn Văn Hùng(Hàng)	.040056009542	Xóm Đại Huệ	LUC	46	992	2474.1	795.1	1679	795.1	72.450	5	4	187.062.645	57.604.995	5.247.660	115.209.990	9.000.000		
23	Nguyễn Văn Tường(Vui)	.040078020458	Xóm Đại Huệ	LUC	48	2729	1574.4	290.1	1284.3	290.1	72.450	4	4	72.167.895	21.017.745	1.914.660	42.035.490	7.200.000		
24	Nguyễn Văn Thắng(Nam)	.040058024362	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1141	238.3	43.6	194.7	43.6	72.450	7	3	19.214.220	3.158.820	287.760	6.317.640	9.450.000		
25	Nguyễn Văn Vinh(Lý)	.040059017720	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1043	1620.2	99.1	1521.1	99.1	72.450	9	3	34.343.445	7.179.795	654.060	14.359.590	12.150.000		
26	Nguyễn Xuân Hòa(Hiếu)	.040081020404	Xóm Đại Huệ	LUC	46	1079	1042	18.6	1023.4	18.6	72.450	8	5	22.165.470	1.347.570	122.760	2.695.140	18.000.000		
27	Nguyễn Xuân Hòa(Hiếu)		Xóm Đại Huệ	LUC	48	2723	1100.8	1009	91.8	1100.8	72.450			246.524.160	79.752.960	7.265.280	159.505.920	-		
28	Phạm Quang Nghi(Xuân)		Xóm Đại Huệ	LUC	41	1044	2147.8	1040	1107.8	1040	72.450	2	6	238.308.000	75.348.000	6.864.000	150.696.000	5.400.000		
29	Phạm Quang Nghi(Xuân)		Xóm Đại Huệ	LUC	41	1068	1253.4	463	790.4	463	72.450			103.688.850	33.544.350	3.055.800	67.088.700	-		
30	Phạm Quang Nghi(Xuân)		Xóm Đại Huệ	LUC	41	1073	286.2	286.2	0	286.2	72.450			64.094.490	20.735.190	1.888.920	41.470.380	-		
31	Phạm Thị Lan	.040142005725	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1034	734.3	13.9	720.4	13.9	72.450	6	6	19.312.905	1.007.055	91.740	2.014.110	16.200.000		
32	Phạm Thị Lan		Xóm Đại Huệ	LUC	41	1082	1355.9	790.2	565.7	790.2	72.450			176.965.290	57.249.990	5.215.320	114.499.980	-		
33	Phạm Việt Sứ(Hường)	.040047008962	Xóm Đại Huệ	LUC	46	1060	776.7	60.4	716.3	60.4	72.450	5	3	20.276.580	4.375.980	398.640	8.751.960	6.750.000		
34	Phan Thị Mai	.040154015153	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1049	1862.6	657.1	1205.5	657.1	72.450	2	6	152.557.545	47.606.895	4.336.860	95.213.790	5.400.000		
35	Tạ Quang Phúc(Lương)	.040074024979	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1047	684.4	322.5	361.9	322.5	72.450	6	4	83.023.875	23.365.125	2.128.500	46.730.250	10.800.000		
36	Trần Thị Châu cho con (Hoàng Thị Hà)	.040174034024	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1069	1501.7	519.4	982.3	519.4	72.450	8	4	130.719.630	37.630.530	3.428.040	75.261.060	14.400.000		
37	Trần Thị Châu cho con (Hoàng Nghĩa Hải)	.040083013432	Xóm Đại Huệ	LUC	41	1209	2944.9	371.7	2573.2	371.7	72.450			83.242.215	26.929.665	2.453.220	53.859.330	-		
38	Bùi Thị Xuân	.040161018125	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2268	604.9	107.6	497.3	107.6	72.450	4	4	31.297.020	7.795.620	710.160	15.591.240	7.200.000		
39	Cao Đức Ái(Lai)	.040054007701	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2243	603	37.9	565.1	37.9	72.450	2	3	11.187.705	2.745.855	250.140	5.491.710	2.700.000		
40	Đồng thừa kế của ông Cao Đức Vinh và bà Lê Thị Kim Dung (Con gái Cao Thị Hằng TTXX)	.040169014150	Xóm Hạ Khê	LUC	46	1028	1965.5	1704.8	260.7	1704.8	72.450	3	12	397.989.960	123.512.760	11.251.680	247.025.520	16.200.000		
41	Đặng Hồng Thái(Quyết)	.040151005860	Xóm Hạ Khê	LUC	46	973	907.5	654.8	252.7	654.8	72.450	7	5	162.392.460	47.440.260	4.321.680	94.880.520	15.750.000		

42	Đinh Thị Nguyệt	.040168026460	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2688	1182,2	20,6	1161,6	20,6	72.450	6	3	12.713.370	1.492.470	135.960	2.984.940	8.100.000		
43	Đinh Văn Lâm(Thanh)	.040070026116	Xóm Hạ Khê	LUC	46	959	1151,5	1116,2	35,3	1151,5	72.450	4	6	268.678.425	83.426.175	7.599.900	166.852.350	10.800.000		
44	Đoàn Phạm Bình(Oanh)	.040056015516	Xóm Hạ Khê	LUC	46	929	1230	944,4	285,6	944,4	72.450	9	5	231.748.380	68.421.780	6.233.040	136.843.560	20.250.000		
45	Đoàn Phạm Bình(Oanh)		Xóm Hạ Khê	LUC	48	2348	905,3	226,5	678,8	226,5	72.450			50.724.675	16.409.925	1.494.900	32.819.850	-		
46	Đoàn Phạm Hải(Phượng)	.040062023789	Xóm Hạ Khê	LUC	46	970	385,6	230,7	154,9	230,7	72.450	6	3	59.765.265	16.714.215	1.522.620	33.428.430	8.100.000		
47	Hoàng Ngọc Công		Xóm Hạ Khê	LUC	48	2614	1566,2	1430,5	135,7	1430,5	72.450	11	6	350.060.475	103.639.725	9.441.300	207.279.450	29.700.000		
48	Lê Thị Hồng	.040154006582	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2302	249,9	124,6	125,3	124,6	72.450	5	3	34.654.170	9.027.270	822.360	18.054.540	6.750.000		
49	Lê Thị Hoàn	.040146005060	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2319	797,4	261	536,4	261	72.450	5	3	65.200.950	18.909.450	1.722.600	37.818.900	6.750.000		
50	Ngô Xuân Cường(Hà)	.040064007863	Xóm Hạ Khê	LUC	46	989	363	360,1	2,9	363	72.450	4	4	88.493.850	26.299.350	2.395.800	52.598.700	7.200.000		
51	Ngô Xuân Hoa(Duyên)	.040056010241	Xóm Hạ Khê	LUC	46	944	289,6	238,6	51	289,6	72.450	3	6	72.955.920	20.981.520	1.911.360	41.963.040	8.100.000		
52	Nguyễn Đăng Minh(Chát)	.040042004696	Xóm Hạ Khê	LUC	46	988	300	163,9	136,1	163,9	72.450	2	1	37.605.405	11.874.555	1.081.740	23.749.110	900.000		Đợt 1 đã hỗ trợ 4 tháng
53	Nguyễn Hạnh Phúc(Nguyên)		Xóm Hạ Khê	LUC	46	1020	1041,6	332,1	709,5	332,1	72.450	5	6	87.873.795	24.060.645	2.191.860	48.121.290	13.500.000		
54	Nguyễn Hạnh Phúc(Nguyên)		Xóm Hạ Khê	LUC	48	2629	544,3	412,5	131,8	412,5	72.450			92.379.375	29.885.625	2.722.500	59.771.250	-		
55	Nguyễn Khánh Việt(Dung)		Xóm Hạ Khê	LUC	46	983	594,7	517,7	77	594,7	72.450	4	12	154.783.065	43.086.015	3.925.020	86.172.030	21.600.000		
56	Đồng thừa kế của ông Nguyễn Mạnh Hùng (Con trai Nguyễn Văn Hương FTSX)	.040082023411	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2631	712,3	712,3	0	712,3	72.450	4	6	170.319.585	51.606.135	4.701.180	103.212.270	10.800.000		Đợt 1 đã hỗ trợ 6 tháng
57	Nguyễn Quốc Thân(Thịnh)	.040070028473	Xóm Hạ Khê	LUC	46	980	1156,2	34,6	1121,6	34,6	72.450	4	3	13.148.670	2.506.770	228.360	5.013.540	5.400.000		
58	Nguyễn Thị Chuyển	.040157016470	Xóm Hạ Khê	LUC	46	977	537,8	431,8	106	431,8	72.450	5	12	123.701.610	31.283.910	2.849.880	62.567.820	27.000.000		
59	Nguyễn Thị Hoa	.040160011698	Xóm Hạ Khê	LUC	46	958	958,2	237,2	721	237,2	72.450	2	3	55.820.940	17.185.140	1.565.520	34.370.280	2.700.000		
60	Nguyễn Thị Năng(Toàn)	.040163017706	Xóm Hạ Khê	LUC	46	1039	754,2	754,2	0	754,2	72.450	5	12	195.903.090	54.641.790	4.977.720	109.283.580	27.000.000		
61	Nguyễn Thị Tuyết	.040150016346	Xóm Hạ Khê	LUC	46	975	239,8	150,6	89,2	239,8	72.450	2	4	57.303.210	17.373.510	1.582.680	34.747.020	3.600.000		
62	Nguyễn Văn Cường(Hương)	.040060012473	Xóm Hạ Khê	LUC	46	934	439	404,9	34,1	439	72.450	10	4	116.314.050	31.805.550	2.897.400	63.611.100	18.000.000		
63	Nguyễn Văn Lý(Loan)	.040074013206	Xóm Hạ Khê	LUC	41	1210	1164,5	585,2	579,3	585,2	72.450	5	4	140.055.540	42.397.740	3.862.320	84.795.480	9.000.000		
64	Nguyễn Văn Minh(Bình)		Xóm Hạ Khê	LUC	48	2643	666,2	666,2	0	666,2	72.450	5	5	160.445.490	48.266.190	4.396.920	96.532.380	11.250.000		
65	Nguyễn Việt Thắng(Dồng)	.040060024097	Xóm Hạ Khê	LUC	46	968	447	447	0	447	72.450	2	4	103.705.650	32.385.150	2.950.200	64.770.300	3.600.000		
66	Nguyễn Xuân Sơn(Hồng)	.040158009277	Xóm Hạ Khê	LUC	46	1005	3041,8	1964	1077,8	1964	72.450	2	6	445.237.800	142.291.800	12.962.400	284.583.600	5.400.000		
67	Nguyễn Xuân Sơn(Hồng)		Xóm Hạ Khê	LUC	48	2487	1725,2	2,5	1722,7	2,5	72.450			559.875	181.125	16.500	362.250	-		
68	Nguyễn Xuân Thái(Liên)	.040154011386	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2646	884,5	884,5	0	884,5	72.450	3	6	206.183.775	64.082.025	5.837.700	128.164.050	8.100.000		
69	Nguyễn Văn Quyết(Hồng)	.040073012563	Xóm Đại Huệ	LUC	46	1052	857,3	391,5	465,8	391,5	72.450	6	4	98.476.425	28.364.175	2.583.900	56.728.350	10.800.000		
70	Nguyễn Văn Quyết(Hồng)		Xóm Đại Huệ	LUC	46	1053	567,2	245,2	322	245,2	72.450			54.912.540	17.764.740	1.618.320	35.529.480	-		
71	Phạm Đình Hải(Nga)	.040188012836	Xóm Hạ Khê	LUC	46	966	280	275,3	4,7	280	72.450	5	3	69.456.000	20.286.000	1.848.000	40.572.000	6.750.000		
72	Phạm Ngọc Loan(Hương)	.040050006869	Xóm Hạ Khê	LUC	46	1031	723,9	663,6	60,3	723,9	72.450	2	6	167.517.405	52.446.555	4.777.740	104.893.110	5.400.000		
73	Phan Văn Việt(Hồng)	.040064032944	Xóm Hạ Khê	LUC	46	938	285,5	243,5	42	285,5	72.450	3	4	69.337.725	20.684.475	1.884.300	41.368.950	5.400.000		
74	Tạ Xuân Hùng		Xóm Hạ Khê	LUC	48	2632	790,2	698,4	91,8	790,2	72.450	6	5	190.465.290	57.249.990	5.215.320	114.499.980	13.500.000		
75	Trần Bình Trọng(Hà)	.040068036235	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2696	916,8	457,7	459,1	457,7	72.450	3	6	110.601.915	33.160.365	3.020.820	66.320.730	8.100.000		
76	Trần Đức Việt(Lý)	.040078013351	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2574	757	757	0	757	72.450	3	6	177.630.150	54.844.650	4.996.200	109.689.300	8.100.000		
77	Trần Thị Hòa	.040162020178	Xóm Hạ Khê	LUC	46	965	183,8	95,1	88,7	183,8	72.450	2	3	43.862.010	13.316.310	1.213.080	26.632.620	2.700.000		
78	Trần Thị Hòa(Trung)		Xóm Hạ Khê	NTS	48	2467	2942,3	65	2877,3	65	72.450	6	3	23.267.750	4.709.250	1.040.000	9.418.500	8.100.000		
79	Trần Trung Hiếu	.040070000743	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2593	475,3	216,5	258,8	216,5	72.450	5	5	59.735.175	15.685.425	1.428.900	31.370.850	11.250.000		
80	Trần Văn Toàn(Nữ)	.040076021325	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2310	1040,3	177,5	862,8	177,5	72.450	4	3	45.151.125	12.859.875	1.171.500	25.719.750	5.400.000		
81	Võ Văn Minh(Thu)	.040065015604	Xóm Hạ Khê	LUC	48	2565	1160,5	210,6	949,9	210,6	72.450	5	4	56.163.870	15.257.970	1.389.960	30.515.940	9.000.000		
82	Trần Trung Thông		Xóm Hạ Khê	LUC		2638	964,9	924,8		924,8	72.450			73.105.440		6.103.680			67.001.760	
83	Cao Thị Vinh		Xóm Hạ Khê	LUC		1190	623	448,8		448,8	72.450			32.515.560					32.515.560	
84	Nguyễn Văn Điền		Xóm Hạ Khê	LUC		1203	500,5	377,7		377,7	72.450			29.857.185		2.492.820			27.364.365	
85	Nguyễn Thị Khanh		Xóm Hạ Khê	LUC		1202	906	501		501	72.450			39.604.050		3.306.600			36.297.450	
86	Phan Văn Tĩnh		Xóm Hạ Khê	LUC		1188	713,6	438,2		438,2	72.450			34.639.710		2.892.120			31.747.590	
87	Lê Thị Hiền		Xóm Hạ Khê	LUC		2663	571,2	571,2		571,2	72.450			41.383.440					41.383.440	
88	Lê Thị Hiền		Xóm Hạ Khê	LUC		2673	204,4	204,4		204,4	72.450			14.808.780					14.808.780	
89	Lê Thị Nam		Xóm Hạ Khê	LUC		1205	882,3	506,3		506,3	72.450			36.681.435					36.681.435	
90	Nguyễn Xuân Sơn (Hồng)		Xóm Hạ Khê	LUC		2495	628,8	215,9		215,9	72.450			15.641.955					15.641.955	
91	Phạm Xuân Thành		Xóm Hạ Khê	LUC		1182	477,4	47,8		47,8	72.450			3.463.110					3.463.110	
92	Phạm Xuân Thành		Xóm Hạ Khê	LUC		1184	477,4	179,8		179,8	72.450			13.026.510					13.026.510	
93	Phạm Thị Thanh		Xóm Hạ Khê	LUC		2625	455,9	66,6		66,6	72.450			5.264.730		439.560			4.825.170	
94	Nguyễn Quốc Hưng		Xóm Hạ Khê	LUC		2655	278	278		278	72.450			21.975.900		1.834.800			20.141.100	
95	Cao Minh Hồng		Xóm Hạ Khê	LUC		2648	465,5	465,5		465,5	72.450			36.797.775		3.072.300			33.725.475	
Tổng							98403,9	45299,4	50181,6	46100,4				10.265.548.460	2.961.350.280	290.523.920	5.922.700.560	712.350.000	378.623.700	

SLM